

QUYỀN TÁC GIẢ CỦA TÁC PHẨM KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐƯỢC DANH TÍNH TÁC GIẢ - MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN LUẬT

VÕ NGUYỄN HOÀNG PHÚC

Viện SHTT, KN&ĐMST, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Institute of Intellectual Property, Entrepreneurship and Innovation,
Ho Chi Minh City University of Law
Email: vnhphuc@hcmulaw.edu.vn

NGUYỄN PHAN KHÔI

Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ
Faculty of Law, Can Tho University
Email: npkhoi@ctu.edu.vn

Tóm tắt

Việc xác định danh tính tác giả có vai trò rất quan trọng trong việc bảo hộ quyền tác giả, đặc biệt là để xác định chủ thể hưởng quyền nhân thân cũng như tính thời hạn bảo hộ đối với một số dạng tác phẩm. Bài viết này phân tích các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam hiện hành về các tình trạng tác phẩm không hoặc chưa xác định được thông tin về tác giả, chỉ ra các bất cập đồng thời đề xuất một số biện pháp bổ sung và hoàn thiện các quy định có liên quan.

Từ khóa: quyền tác giả, danh tính tác giả, tác phẩm khuyết danh, tác phẩm bút danh

Abstract

Identifying the author of a work is very important in copyright law, particularly in determining the owner of moral rights and the duration of protection for certain types of works. This article analyzes the current Vietnamese copyright law regarding situations where works contain no information about the author or the identity of the author is unknown, highlights its shortcomings, and proposes a number of solutions for complete relevant regulations.

Keywords: author right, anonymous work, pseudonymous work

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.333>

Ngày nhận bài: 04/01/2024

Ngày duyệt đăng: 01/05/2025

Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019 và năm 2022¹ (viết tắt là Luật SHTT năm 2005) chỉ ghi nhận một loại tác phẩm không xác định được danh tính tác giả là tác phẩm khuyết danh. Từ đó, có thể suy luận rằng, những tác phẩm đề bút danh nhưng không xác định được chủ thể mang bút danh đó có thể được xem là tác phẩm khuyết danh.² Tuy nhiên, cách

1 Luật số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15 của Quốc hội.

2 Ý nghĩa của tình trạng “khuyết danh” thể hiện rõ qua các điều khoản sau của Luật SHTT: Điểm a khoản 2 Điều 27: “...đối với tác phẩm khuyết danh, khi các thông tin về tác giả xuất hiện...”; Khoản 2 Điều 41: “...đối với tác phẩm khuyết danh được hưởng quyền của chủ sở hữu cho đến khi danh tính của tác giả, đồng tác giả được xác định.” – Điểm b khoản 2 Điều 42: “...Tác phẩm khuyết danh cho đến khi danh tính của tác giả, đồng tác giả... được xác định...”. Có thể thấy, “khuyết danh” là tình trạng “thông tin về tác giả/danh tính tác giả/đồng tác giả chưa xuất hiện”, và sự xuất hiện lại của thông tin này sẽ làm chấm dứt tình trạng “khuyết danh” của tác phẩm. Quan điểm này thường được diễn đạt thông qua thuật ngữ “anonymity” (tình trạng khuyết danh) để chỉ việc giấu tên bằng cách không đề tên hoặc dùng một bút danh giả rất phổ biến trong các tác phẩm thời kỳ Phục hưng ở Anh. Về vấn đề này, xem Robert J. Griffin, “Anonymity and Authorship” (Ẩn danh và quyền tác giả), *New Literary History*, Autumn, Vol. 30(4), 1999, tr. 877-895; Marcy L. North, *Authoring Anonymity in Renaissance England* (Tác giả ẩn danh thời kỳ Phục hưng ở Anh), PhD. thesis, University of Michigan, 1994, tr. 13.

hiếu này chưa được hợp lý vì theo định nghĩa, tác phẩm khuyết danh là tác phẩm không hoặc chưa có tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm vào thời điểm công bố.³ Do đó, việc đề bút danh đã làm cho tác phẩm này không còn được xem là tác phẩm khuyết danh. Luật SHTT năm 2005 và Nghị định số 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật SHTT năm 2005 đã có một số điều chỉnh tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc quản lý và khai thác quyền tác giả đối với những tác phẩm không hoặc chưa xác định được danh tính tác giả. Mặc dù vậy, những quy định này vẫn còn một số điểm chưa hợp lý, đặc biệt là các văn bản dưới luật có nội dung giải thích vấn đề chưa được đề cập trong luật; và vẫn còn thiếu các quy định nhằm làm rõ cơ chế bảo hộ dành cho tình trạng tác phẩm “tuy có tên bút danh nhưng không rõ tác giả là ai”.

1. Các trường hợp tác phẩm không xác định được danh tính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả

Căn cứ vào pháp luật sở hữu trí tuệ (SHTT) hiện hành, tác phẩm không xác định được danh tính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả bao gồm: tác phẩm không xác định được thông tin về chủ sở hữu quyền tác giả,⁴ tác phẩm khuyết danh⁵ và tác phẩm không có cơ sở để xác định danh tính tác giả.⁶

1.1. Cơ sở pháp lý chung về tác phẩm không xác định được danh tính tác giả

Luật SHTT năm 2005 không có quy định nào trực tiếp đề cập tác phẩm không thể xác định được tác giả hoặc chưa xác định được các thông tin đó. Vấn đề này được ghi nhận một cách gián tiếp trong một quy định liên quan đến việc xác định chủ thể quản lý đối với một số trường hợp tác phẩm rơi vào các tình trạng đặc biệt. Tại khoản 1 Điều 42 của Luật SHTT năm 2005 quy định Nhà nước là chủ sở hữu quyền tác giả trong các trường hợp sau:

- Tác phẩm mà không thể tìm được hoặc không xác định được chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả;
- Tác phẩm khuyết danh cho đến khi danh tính của tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả được xác định, trừ trường hợp đang được chủ thể nào đó quản lý hợp pháp.

Theo quy định này, có thể thấy Luật SHTT năm 2005 ghi nhận hai trường hợp Nhà nước có thể làm đại diện quản lý quyền tác giả, bao gồm “tác phẩm khuyết danh” và “tác phẩm không hoặc chưa xác định được chủ sở hữu quyền tác giả”. Tuy nhiên, Điều 23 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết quy định này lại bổ sung định nghĩa về “tác phẩm không hoặc chưa xác định được chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan”, đó là:

“...tác phẩm [...] đã công bố nhưng không có thông tin về tác giả, [...] chủ sở hữu quyền tác giả, [...] hoặc có thông tin về những chủ thể này, là cá nhân, tổ chức Việt Nam, nhưng không thể tìm được hoặc không thể liên hệ được”.

Như vậy, kết hợp các quy định trên, Nhà nước có thể làm đại diện quyền tác giả khi tác phẩm ở một trong ba tình trạng sau:

3 Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 hướng dẫn chi tiết Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan, sau đây gọi tắt là Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.
4 Theo khoản 1 Điều 42 của Luật SHTT năm 2005.
5 Theo khoản 1 Điều 42 của Luật SHTT năm 2005.
6 Theo Điều 23 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

- Tác phẩm khuyết danh (i);
- Tác phẩm không có thông tin về tác giả hoặc có thông tin nhưng không thể tìm được hoặc không thể liên hệ được (ii);
- Tác phẩm không có thông tin về chủ sở hữu quyền tác giả hoặc đồng chủ sở hữu quyền tác giả, hoặc có thông tin nhưng không thể tìm được hoặc không thể liên hệ được (iii).

Trong đó, (iii) có thể là những tác phẩm thông thường, có tên và thông tin tác giả, chỉ là không xác định được chủ sở hữu quyền tác giả, ví dụ như khi quyền tài sản đã được chuyển nhượng và tác giả không còn nắm được thông tin về chủ sở hữu quyền tác giả hoặc tác giả đã chết mà không rõ người thừa kế. Trong nghiên cứu này, các phân tích chỉ tập trung vào (i) và (ii) khi tác phẩm thiếu khuyết về mặt thông tin của tác giả.

1.2. Tác phẩm không xác định được danh tính tác giả

Trong khi “tác phẩm khuyết danh” được định nghĩa tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP là “tác phẩm không có hoặc chưa có tên tác giả (tên khai sinh hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố” thì tác phẩm thuộc (ii) chưa được quy định trong Luật SHTT năm 2005. Đây là trường hợp mặc dù có thể hiện tên hoặc bút danh trên tác phẩm, làm cho tác phẩm không thể được xem như “tác phẩm khuyết danh”, nhưng từ những thông tin đó không thể xác định được tác giả. Ví dụ: khi tác giả sử dụng tên viết tắt hoặc bút danh nhưng không thể thông qua đó xác định được danh tính thực của tác giả.

Trước đây, Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả năm 1994 đã từng đề cập trường hợp tương tự (ii) kể trên. Theo đó, nếu tác phẩm “không rõ tác giả” hoặc “tác giả không lộ tên” thì quyền tác giả thuộc về Nhà nước.⁷ Quy định này đã bao hàm các tác phẩm “không có tên tác giả” và “không thể xác định được tác giả”, không cần biết trên tác phẩm có đề tên thật hoặc bút danh hay không. Tuy nhiên, quy định này không được kế thừa trong các văn bản sau đó. Cụ thể, từ Bộ luật Dân sự năm 1995 (Điều 755), Thông tư số 27/2001/TT-BVHTT,⁸ Nghị định số 60/CP ngày 6/6/1997,⁹ và Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 chỉ đề cập “tác phẩm khuyết danh”, là tác phẩm không có tên tác giả (tên thật hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố. Đến khi Nghị định số 17/2023/NĐ-CP có hiệu lực thì mới có quy định liên quan đến tình huống tác phẩm không có thông tin về tác giả, tuy nhiên, như sẽ phân tích ở phần sau, quy định này chưa hợp lý và thiếu hoàn chỉnh.

2. Phân biệt “tác phẩm khuyết danh” và “tác phẩm không xác định được danh tính tác giả”

Về mặt lý luận, việc thừa nhận tình trạng tác phẩm không hoặc chưa xác định được tác giả nhằm bảo vệ các quyền nhân thân và tài sản ngay cả khi tác giả lựa chọn không thể hiện danh tính thực của mình trên tác phẩm và để cho quy định của pháp luật Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế.

⁷ Khoản 2 Điều 20 Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả số 10/1994/PL-UBTVQH9.

⁸ Thông tư số 27/2001/TT-BVHTT ngày 10/5/2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/CP ngày 29/11/1996.

⁹ Nghị định số 67/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự 1995.

Trước hết, cần khẳng định rằng tác giả có quyền đề tên thật hoặc sử dụng bút danh (tên giả), hoặc không trên tác phẩm mà mình sáng tác.¹⁰ Với việc sử dụng “bút danh”, có nghiên cứu cho rằng nó mang bản chất của việc tạo “khoảng cách” giữa nhân thân thực của một người và tác phẩm do người đó sáng tác, có thể vì chống phân biệt giới tính hoặc bảo vệ tác giả, trong trường hợp có kỳ thị giới tính; khi tác phẩm thể hiện quan điểm khác biệt; để tạo dấu ấn riêng, hoặc để bảo vệ quyền riêng tư.¹¹ Tuy nhiên, dù xuất phát từ nguyên nhân nào, việc sử dụng bút danh trên tác phẩm cũng dẫn đến khả năng không thể xác định được danh tính thật của tác giả, cho đến khi nó được tiết lộ.

Xét về bản chất, cả tác phẩm “khuyết danh” và “tác phẩm có đề bút danh nhưng không có thông tin về tác giả” đều không thể xác định được tác giả là ai, tuy nhiên tác phẩm “khuyết danh” được định nghĩa là tác phẩm “không có tên hoặc bút danh của tác giả” chứ không phải là “không xác định được tác giả”. Do đó, việc không thể tìm được thông tin liên quan đến bút danh được ghi trên tác phẩm không thể làm cho tác phẩm ấy trở thành tác phẩm khuyết danh theo luật hiện hành. Hơn nữa, việc ghi nhận “tác phẩm không xác định được thông tin về tác giả” tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP, bên cạnh “tác phẩm khuyết danh” tại điểm b Điều này đã phủ định khả năng có thể xem tình trạng tác phẩm này như một tác phẩm khuyết danh. Do vậy, cần có một sự ghi nhận chính thức về tác phẩm chưa xác định được danh tính tác giả, cũng như việc bổ sung các quy định liên quan đến điều chỉnh quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng và khai thác quyền tác giả.

3. “Tác phẩm khuyết danh” và “tác phẩm bút danh” theo pháp luật quốc tế

Việc ghi nhận vào luật Việt Nam dạng (ii), khi tác phẩm được ký bút danh nhưng lại không có cơ sở để xác định danh tính thực sự của tác giả là phù hợp với quy định của Công ước Berne¹² và luật pháp nhiều quốc gia trên thế giới.

Để xác định thời hạn bảo hộ quyền tác giả, Điều 7(3) Công ước Berne quy định:¹³ đối với những tác phẩm khuyết danh (*anonymous works*) hay bút danh (*pseudonymous works*), thời hạn bảo hộ chấm dứt vào 50 năm sau khi tác phẩm được phổ cập đến công chúng “một cách hợp pháp”.¹⁴ Nhìn chung, căn cứ theo Điều 7 và Điều 15 Công ước Berne, tác phẩm không có tên tác giả hoặc tác phẩm có bút danh thành ba dạng: không có tên thật hoặc bút danh, gọi là tác phẩm khuyết danh; có bút danh và có thể biết một cách minh xác về danh tính

10 Khoản 2 Điều 19 Luật SHTT năm 2005.

11 Arnold Richard & Mira T. Sundara Rajan, “Do authors and performers have a legal right to pseudonymity? (Tác giả và người biểu diễn có quyền hợp pháp sử dụng bút danh hay không?)”, *Journal of Media Law*, Vol. 9(2), 2017, <https://doi.org/10.1080/17577632.2017.1347082>, tr.190.

12 Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, ngày 24/7/1971, sửa đổi bổ sung ngày 28 tháng 9/1979, bản dịch truy cập tại: <http://cov.gov.vn/cong-uoc-berne-bao-ho-cac-tac-pham-van-hoc-va-nghe-thuat-co-hieu-luc-tai-viet-nam-tu-ngay-26-thang-10-nam-2004/>, truy cập ngày 29/12/2023.

13 Nội dung được ghi nhận trong Công ước Berne lần đầu tiên và lần sửa đổi theo Đạo luật Brussels năm 1948, sau đó, được làm rõ hơn trong lần sửa đổi tại Stockholm năm 1967. Xem World Intellectual Property Organization (WIPO), *Guide to the Berne Convention for the protection of literary and artistic works (Paris Act, 1971)* (Hướng dẫn tìm hiểu Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học nghệ thuật (Đạo luật Paris 1971), 1978, para 7.8.

14 Trong lần sửa đổi của Công ước Berne vào năm 1967, cụm từ “một cách hợp pháp” được dùng để thay thế cho “với sự đồng ý của tác giả”. Điều này nhằm đưa tác phẩm văn học dân gian vào phạm vi điều chỉnh, bởi các tác phẩm dạng này có thể được công bố mà không cần sự đồng ý của tác giả. Xem WIPO, *tlld*, para 7.8.

của tác giả; và có bút danh nhưng không thuộc các trường hợp vừa nêu, nghĩa là không có cơ sở để xác định được tác giả là ai.

Pháp luật các quốc gia thành viên có thể diễn đạt khác nhưng vẫn thể hiện được tinh thần của Công ước. Ví dụ, luật của Pháp không đề cập trường hợp “tác phẩm dùng bút danh nhưng có thể xác định được tác giả thực”, vì về bản chất đây chỉ là một tác phẩm thông thường và xét về quyền nhân thân, tác giả hoàn toàn có thể lựa chọn việc đề tên thật hoặc bất kỳ bút danh nào.¹⁵ Luật nước này chỉ ghi nhận hai trường hợp không xác định được danh tính tác giả, bao gồm: tác phẩm khuyết danh (*oeuvre anonyme*) và tác phẩm bút danh (*oeuvre pseudonyme*). Theo đó, tác phẩm bút danh là tác phẩm mà tác giả đã quyết định che giấu danh tính thực sự của mình bằng cách sử dụng một danh tính giả.¹⁶

Với cách tiếp cận tương tự, luật bản quyền của Hoa Kỳ cũng định nghĩa “tác phẩm khuyết danh” là tác phẩm mà trên các bản sao hoặc bản ghi không xác định được thể nhân là tác giả. Trong khi đó, “tác phẩm dùng bút danh” được định nghĩa là tác phẩm mà trên các bản sao hoặc bản ghi, tác giả thể hiện danh tính của mình bằng tên giả.¹⁷ Mặc dù từ định nghĩa này chưa thể khẳng định được tính chất không xác định được tác giả, Mục §302 về xác định thời hạn bảo hộ quyền tác giả đã khẳng định tính tương đồng trong chế độ bảo hộ trong trường hợp không xác định được tác giả của hai dạng tác phẩm này. Theo đó, đối với tác phẩm khuyết danh và tác phẩm được sử dụng bút danh, thời hạn bảo hộ kéo dài 95 năm kể từ năm công bố hoặc 120 năm kể từ khi được sáng tác, tùy thời điểm nào xuất hiện trước.

Luật của Anh hiện hành cũng có sự phân biệt về mặt thuật ngữ “khuyết danh” và “bút danh” nhưng không đưa ra định nghĩa. Tuy nhiên, mức độ bảo hộ đối với hai trường hợp này là như nhau theo như tinh thần Công ước Berne.¹⁸

Những phân tích trên cho thấy pháp luật Việt Nam cần có quy định dạng tác phẩm có bút danh nhưng không hoặc chưa xác định được danh tính tác giả bên cạnh tác phẩm khuyết danh.

4. Sự chưa phù hợp trong quy định về các dạng tác phẩm không xác định được danh tính tác giả trong pháp luật Việt Nam hiện hành

Có thể thấy việc điều chỉnh tác phẩm “có tên bút danh nhưng không xác định được danh tính của tác giả” là hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên, khi đặt Điều 23 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP trong mối liên hệ với Điều 42 của Luật SHTT năm 2005 liên quan đến các dạng tác phẩm “được nhà nước quản lý” thì lại chưa phù hợp, bởi các lý do sau đây:

Thứ nhất, điểm a khoản 1 Điều 23 định nghĩa tác phẩm không thể tìm được hoặc không xác định được chủ sở hữu quyền tác giả, bao gồm: “(...) tác phẩm

15 Theo Điều L.122-1 Bộ luật Sở hữu trí tuệ Pháp thì “Tác giả có quyền được tôn trọng việc đứng tên và tư cách tác giả.”

16 Bensamoun Alexandra, Groffe Julie, Repertoire, “Objet du droit d’auteur. – Oeuvres protégées. Notion d’oeuvre, (CPI, art. L.111-1, L.112-1 et L.112-2)” (Đối tượng của quyền tác giả - Tác phẩm được bảo hộ, Bộ luật Sở hữu trí tuệ Điều L.111-1, L.112-1; L.112-2), *JurisClasseur Propriété littéraire et artistique*, Fasc 1134, 2/05/2019 dernière mise à jour 15/06/2023, para 11.

17 Tiêu đề 17 của Bộ luật Hoa Kỳ về luật bản quyền, Mục §101.

18 Mục 57 Đạo luật Bản quyền, kiểu dáng và sáng chế năm 1988 của Vương quốc Anh quy định các trường hợp được giả định là tác giả đã chết hoặc tác phẩm hết thời hạn bảo hộ khi tác phẩm được công bố trong tình trạng khuyết danh hoặc sử dụng bút danh nhưng không có căn cứ để xác định danh tính tác giả.

không có thông tin về tác giả; (...) hoặc có thông tin về tác giả nhưng không thể tìm được hoặc không thể liên hệ được”. Trong khi đó, việc “không xác định được tác giả” và “không xác định được chủ sở hữu quyền tác giả” theo Điều 42 Luật SHTT năm 2005 không giống nhau. Nói cách khác, phạm vi các đối tượng tác phẩm được nhà nước đại diện quyền tác giả trong Điều 23 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP rộng hơn so với phạm vi quy định tại Điều 42 Luật SHTT năm 2005. Việc này chưa đúng với mục tiêu quy định chi tiết nội dung trong luật của Nghị định.¹⁹

Thứ hai, việc đề ra “tình trạng mới” của tác phẩm nhưng lại không có các quy định pháp luật có liên quan cũng gây khó khăn trong việc tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả. Nếu tác phẩm thuộc dạng “không xác định được tác giả” mà thời hạn bảo hộ được tính dựa theo năm mất của tác giả, thì việc xác định thời điểm chấm dứt bảo hộ quyền tác giả là bất khả thi. Đối với tác phẩm khuyết danh, pháp luật SHTT năm 2005 đã tạo ra một “ngoại lệ” để tính thời hạn bảo hộ không theo đời người tác giả, mà theo các sự kiện khác gắn với tác phẩm, như công bố hoặc định hình.²⁰ Tác phẩm thuộc (ii) không được xem là “tác phẩm khuyết danh” để được áp dụng cách tính thời hạn theo ngoại lệ vừa nêu, mà phải áp dụng cách tính theo đời người tác giả (trừ trường hợp tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng). Và như vậy, chúng ta không thể xác định được thời hạn bảo hộ quyền tác giả bởi “thông tin về tác giả” không thể xác định, kể cả thời điểm người đó chết.²¹

5. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật có liên quan

Tình trạng thiếu quy định điều chỉnh dạng tác phẩm sử dụng bút danh dẫn đến sự chưa hợp lý của việc ghi nhận dạng tác phẩm không xác định được thông tin về tác giả khi sử dụng bút danh đó. Do đó, theo tác giả, tại Điều 23 Nghị định số 17/2023/NĐ-CP có thể được khắc phục bằng một số biện pháp như sau:

Thứ nhất, cần có giải pháp để thể điều chỉnh đồng thời hai tình trạng tác phẩm có cùng bản chất không hoặc chưa xác định được danh tính của tác giả. Một giải pháp có thể cân nhắc đó là mở rộng khái niệm “tác phẩm khuyết danh” để bao hàm cả “tác phẩm không xác định được danh tính tác giả vào thời điểm công bố”. Tuy nhiên, phương án này chưa tối ưu do định nghĩa về “tác phẩm khuyết danh” theo luật Việt Nam đã phù hợp với cách hiểu của Công ước Berne và luật pháp các nước. Do đó, cần có một giải pháp giúp tách biệt hai dạng tác phẩm này theo tinh thần của Công ước Berne. Vì vậy, bài viết này nghiêng về phương án bổ sung thêm quy định ghi nhận về dạng tác phẩm “có đề bút danh nhưng không xác định được danh tính thực của tác giả”, tức hoàn toàn không có tên hoặc bút danh thể hiện trên tác phẩm bên cạnh dạng tác phẩm “khuyết danh”.

Thứ hai, cần hoàn thiện những quy định pháp luật có liên quan như cách tính thời hạn bảo hộ tại Điều 27 Luật SHTT năm 2005, xác định chủ thể giữ

19 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

20 Điểm a khoản 2 Điều 27 Luật SHTT năm 2005.

21 Nguyễn Phan Khôi, “Quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh theo pháp luật Việt Nam hiện hành”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 2016, tr. 5.

quyền trong thời gian chưa xác định được danh tính tác giả và cơ chế bảo hộ khi nó đã “khôi phục” lại tình trạng bình thường. Cụ thể, việc tính thời hạn bảo hộ, chủ thể giữ quyền trong thời gian chưa xác định được danh tính tác giả và cơ chế khôi phục quyền khi danh tính của tác giả được xác định sẽ được áp dụng tương tự như đối với tác phẩm khuyết danh. Giải pháp này phù hợp với quy định của Công ước Berne và thông lệ quốc tế.²²

6. Kết luận

Với sự ghi nhận trong Nghị định số 17/2023/NĐ-CP về tình trạng “tác phẩm sử dụng bút danh mà không thể xác định được danh tính của tác giả”, pháp luật Việt Nam đã ngày càng tiệm cận hơn với luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, cách ghi nhận này chưa hoàn toàn phù hợp cả về nội dung và thẩm quyền lập pháp khi đối tượng được hướng đến trong Nghị định hướng dẫn rộng hơn so với nội dung tương ứng trong Luật SHTT năm 2005. Bên cạnh đó, Luật SHTT năm 2005 cũng chưa xác định rõ cách tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả khi tác phẩm rơi vào tình trạng trên, cũng như cơ chế “khôi phục” lại tình trạng bình thường cho tác phẩm khi danh tính thực của tác giả được xác định. Để giải quyết các bất cập trên, Luật SHTT năm 2005 cần ghi nhận một cách rõ ràng về “tác phẩm sử dụng bút danh mà không thể xác định được danh tính của tác giả”, bên cạnh các tình trạng khác như “khuyết danh” hoặc “không xác định được chủ sở hữu quyền tác giả là ai”. Ngoài ra, cần áp dụng cách tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả khi tác phẩm có sử dụng bút danh mà không xác định được tác giả thực tương tự như tác phẩm khuyết danh, ít nhất cho đến khi danh tính thực của tác giả được xác định. Điều này sẽ giải quyết được bất cập không tính được thời hạn bảo hộ, gây khó khăn cho việc khai thác, bảo vệ quyền tác giả. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Bensamoun Alexandra, Groffe Julie, Repertoire, “Objet du droit d’auteur. – Oeuvres protégées. Notion d’oeuvre, (CPI, art. L.111-1, L.112-1 et L.112-2)”, *JurisClasseur Propriété littéraire et artistique*, Fasc 1134, 2/05/2019 dernière mise à jour 15/06/2023 [trans: Bensamoun Alexandra, Groffe Julie, Repertoire, “Object of copyright. – Protected works. Notion of work, (CPI, art. L.111-1, L.112-1 and L.112-2)”, *JurisClasseur Literary and artistic property*, Fasc 1134, 2/05/2019 last updated 15/06/2023]
- [2] Robert J. Griffin, “Anonymity and Authorship”, *New Literary History*, Autumn, Vol. 30(4), 1999
- [3] Marcy L. North, *Authoring Anonymity in Renaissance England*, PhD. thesis, University of Michigan, 1994
- [4] Nguyễn Phan Khôi, “Quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh theo pháp luật Việt Nam hiện hành”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 2016
- [5] Arnold Richard & Mira T. Sundara Rajan, “Do authors and performers have a legal right to pseudonymity?”, *Journal of Media Law*, Vol. 9(2), 2017, <https://doi.org/10.1080/17577632.2017.1347082>
- [6] World Intellectual Property Organization (WIPO), *Guide to the Berne Convention for the protection of literary and artistic works (Paris Act, 1971)*, 1978

22 Về giải pháp này, có thể xem: Điều 7 Công ước Berne, Mục §302 Đạo luật Bản quyền Hoa Kỳ; Điều L123-3 Bộ luật SHTT Pháp; Mục 57 Đạo luật Bản quyền, kiểu dáng và sáng chế Vương quốc Anh năm 1988.